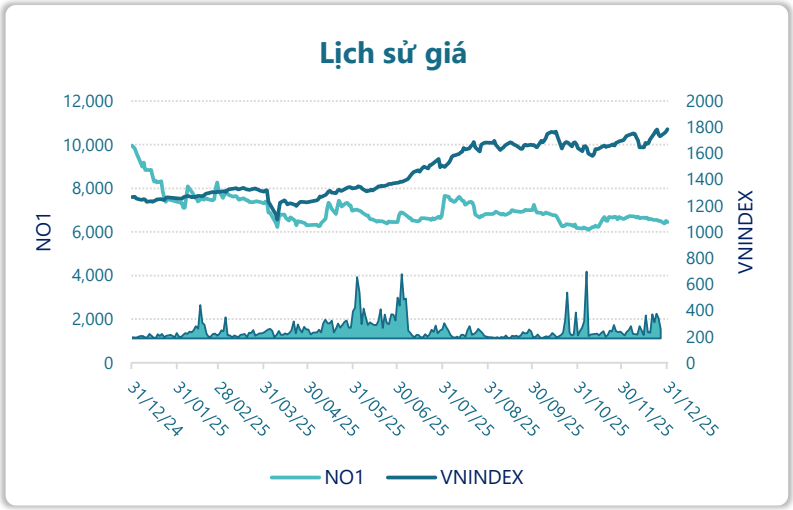
FireAnt

CTCP Tập đoàn 911 (HSX: NO1)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,450**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,956
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,093
SL cổ phiếu LH	24,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	36,645
% sở hữu nước ngoài	7.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	155
P/E	8.7
EPS	739

DT thuần

Q4/25

160

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 82.6| 107%

YoY: ▲ 26.0| 19.3%

LN sau thuế

Q4/25

3.45

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.03| 143%

YoY: ▲ 3.25| 1625%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

2.7%

+/- YoY: ▼ 0.9%

DT thuần

2025

1,078

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 276| 34.3%

LN sau thuế

2025

16.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.30| -7.2%

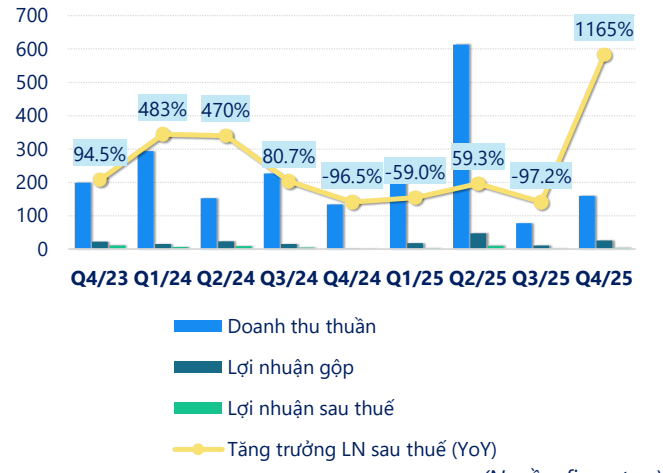
ROE

2025

5.5%

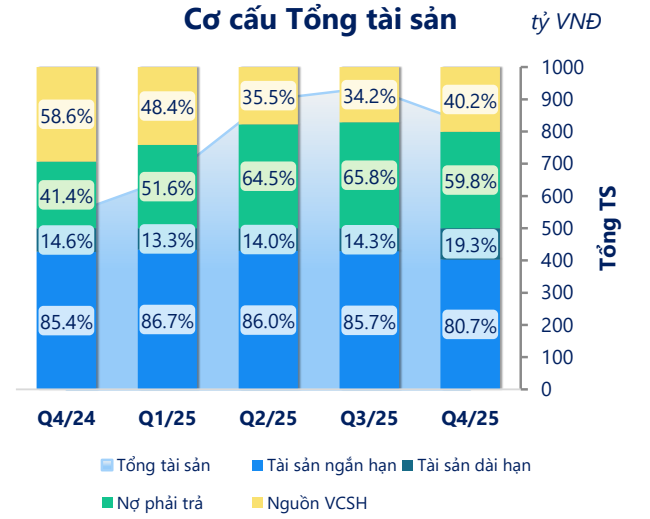
+/- YoY: ▼ 0.3%

Kết quả kinh doanh



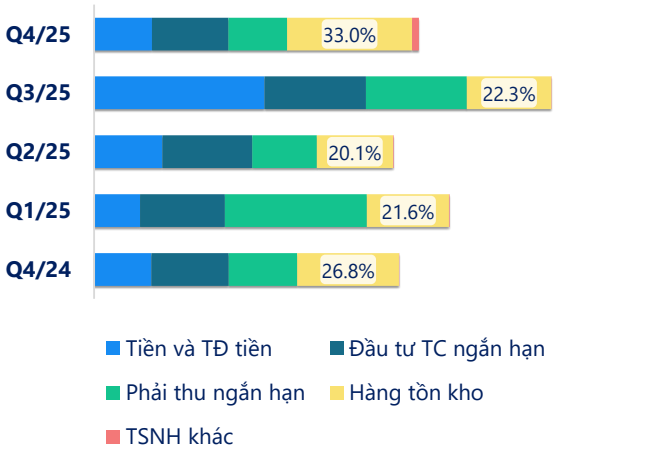
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



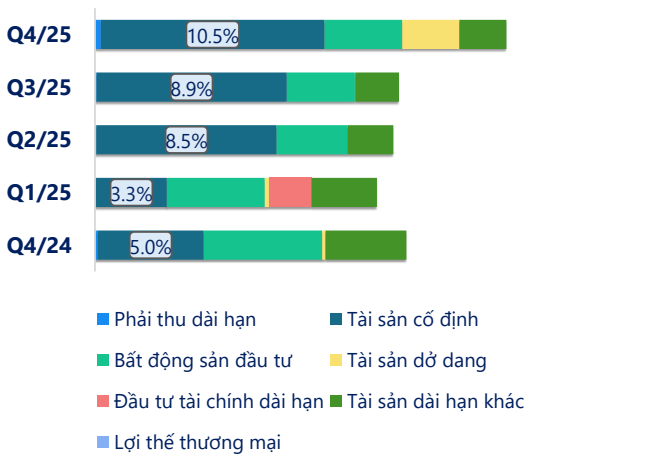
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



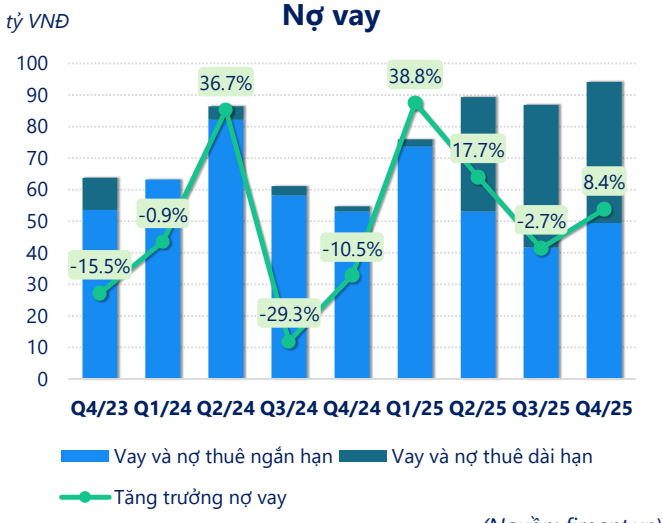
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



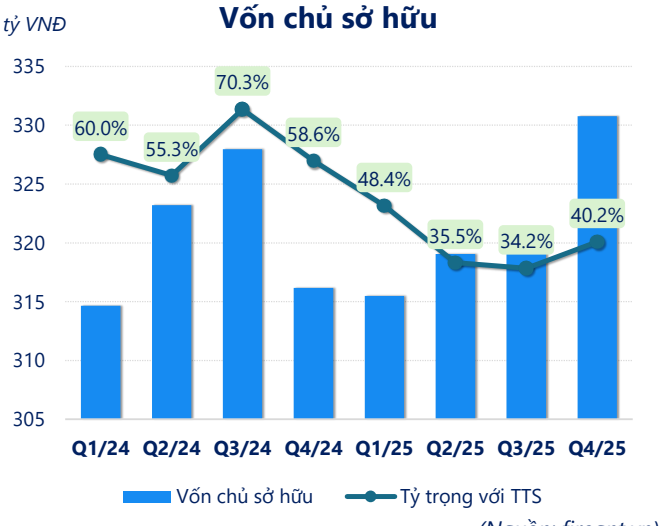
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



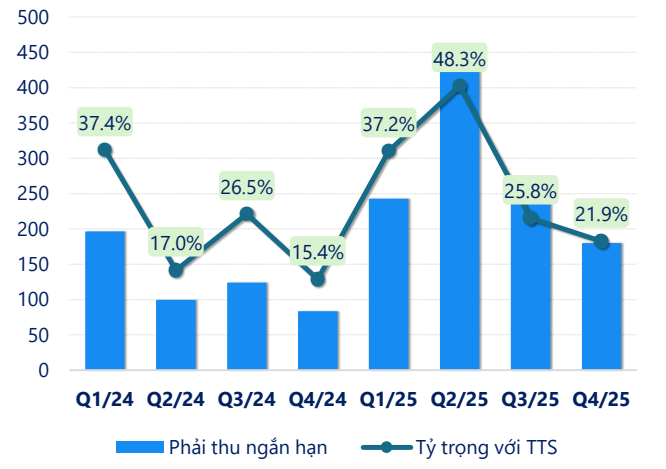
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



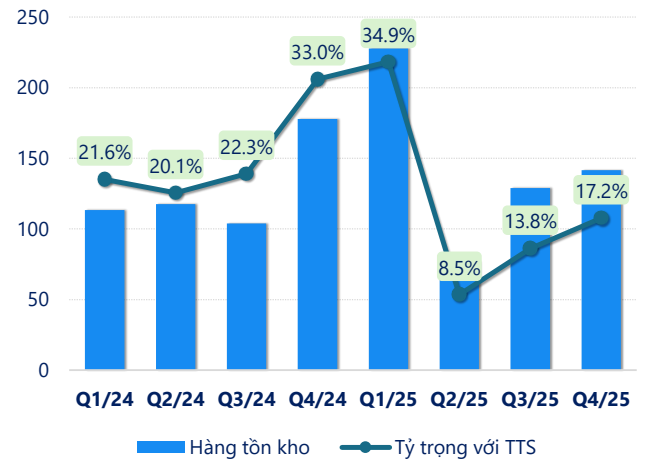
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



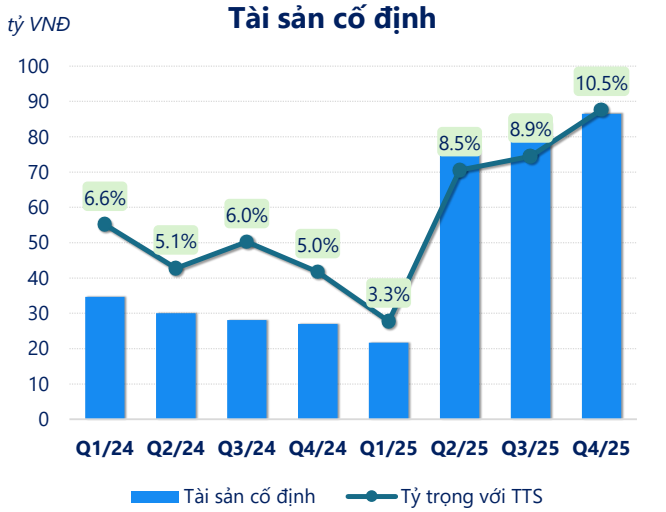
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



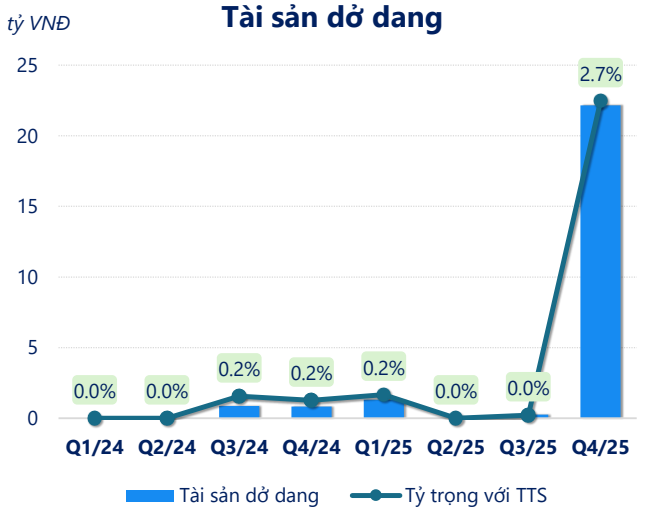
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



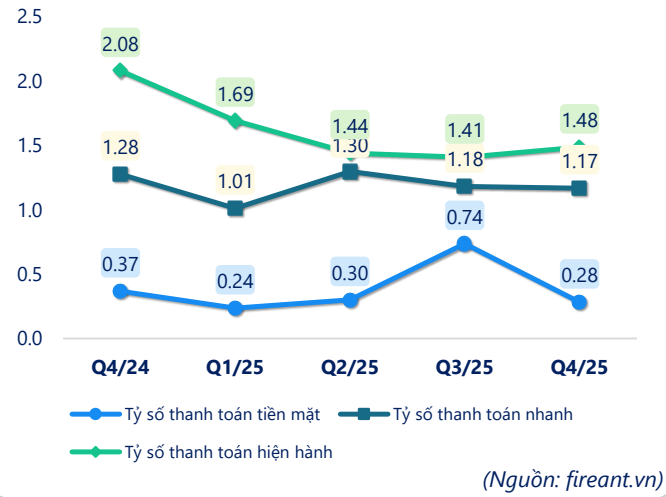
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



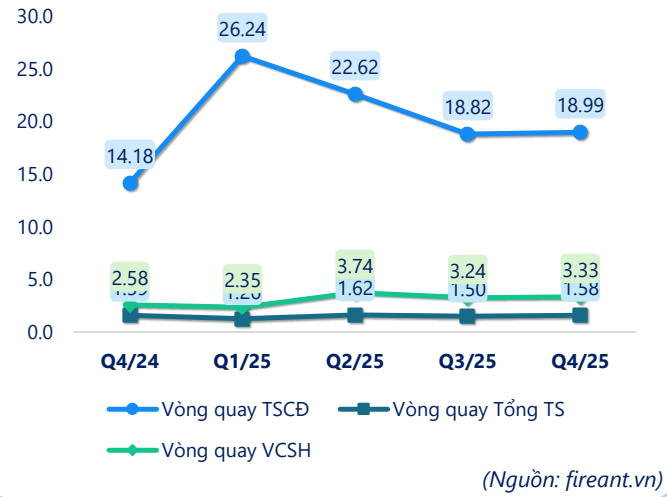
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**539**	**652**	**899**	**936**	**822**
Tài sản ngắn hạn	**460**	**565**	**773**	**802**	**663**
Tiền và tương đương tiền	81.3	78.8	161	420	126
Đầu tư tài chính ngắn hạn	108	4.00	93.2	0	201
Phải thu ngắn hạn	83.3	243	435	242	180
Hàng tồn kho	178	228	76.9	129	142
Tài sản ngắn hạn khác	9.64	12.1	6.97	12.0	15.4
Tài sản dài hạn	**79.0**	**86.5**	**126**	**134**	**159**
Phải thu dài hạn	0.62	0.35	0.63	0.73	2.25
Tài sản cố định	27.0	21.7	76.1	83.6	86.5
Bất động sản đầu tư	30.0	30.0	30.0	30.0	30.0
Tài sản dở dang	0.82	1.31	0	0.25	22.2
Đầu tư tài chính dài hạn	0	13.0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	20.5	20.1	19.3	19.2	18.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**223**	**336**	**580**	**616**	**491**
Nợ ngắn hạn	**222**	**334**	**537**	**570**	**447**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	53.1	73.6	53.1	41.7	49.4
Phải trả người bán ngắn hạn	137	203	448	488	362
Nợ dài hạn	1.64	2.28	43.2	45.3	44.7
Vay và nợ thuê dài hạn	1.64	2.28	36.2	45.3	44.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	**316**	**315**	**319**	**320**	**331**
Vốn chủ sở hữu	**316**	**315**	**319**	**320**	**331**
Vốn điều lệ	240	240	240	240	240
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)